

- các số: 1000, 10, X, 11, 1, 1001, ...
- chỉ huy UBND cũ huyện, TP.

(1)

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Số: 2482/TTr-SKHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hung Yên, ngày 19 tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc cho phép sử dụng nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách Trung ương năm 2019 để điều chỉnh nguồn vốn thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn năm 2016 và Phê duyệt Danh mục công trình/dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2019 – 2020 còn lại và nguồn vốn dự phòng ngân sách tập trung tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
C.V	Số: 14/109
ĐẾN	Ngày: 20/11/2018
	Chuyển: Đ. Chấn
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

Đ/c Chấn
1/c Thuận
1/c Lê Văn Hợp

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020;



Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020;

(Handwritten mark)

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016 – 2020 (đợt 2);

Căn cứ Công văn số 6900/BKHĐT-TH ngày 28/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguyên tắc, tiêu chí sử dụng dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn tại các bộ, ngành, địa phương;

Căn cứ Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2016 thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về phê duyệt Kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 102/KH - UBND ngày 30/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thực hiện các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020,

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thành phố và UBND các xã tiến hành kiểm tra, rà soát các tiêu chí xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên. Sau khi rà soát, tổng hợp, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo và kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định với nội dung cơ bản như sau:

I. BÁO CÁO VÀ ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2019 - 2020

1. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Trung ương còn lại chưa phân bổ chi tiết (không bao gồm 10% dự phòng): 314.000 triệu đồng.

2. Đề xuất bổ sung kế hoạch vốn dự phòng ngân sách tập trung tỉnh quản lý giai đoạn 2016 – 2020 để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên: 119.277 triệu đồng.

II. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2019 - 2020

1. Cho phép sử dụng nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách Trung ương năm 2019 để điều chỉnh nguồn vốn thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn năm 2016 (do không có nguồn vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước)

Ngày 30/12/2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3234/QĐ-UBND về việc phân bổ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2016 thực hiện

Chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn tỉnh Hưng Yên, số tiền là 231.927 triệu đồng; đến nay, theo báo cáo của các chủ đầu tư, các dự án đã có khối lượng thực hiện khoảng trên 90% kế hoạch vốn giao, trong đó một số dự án đã có khối lượng hoàn thành đang chờ bàn giao để đưa vào khai thác, sử dụng. Tuy nhiên, đến nay chưa có nguồn vốn vay từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2016 để thực hiện giải ngân cho các công trình/dự án.

Để tháo gỡ khó khăn trong việc bố trí nguồn vốn cho các công trình/dự án thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn, UBND tỉnh đã báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân bổ kế hoạch vốn dự phòng ngân sách Trung ương đầu tư theo các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 – 2020 của tỉnh, số tiền là 112.650 triệu đồng (Báo cáo số 214/BC-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh); trong đó, phân bổ hỗ trợ cho các công trình/dự án đã hoàn thành là 51.927 triệu đồng; phân bổ hỗ trợ cho các công trình/dự án chuyển tiếp đã có khối lượng thực hiện là 60.723 triệu đồng.

Để tiếp tục xử lý dứt điểm cho các công trình/dự án thuộc Chương trình đã được phân bổ nhưng chưa có nguồn để thanh toán, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh xem xét cho phép sử dụng nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách Trung ương năm 2019 để điều chỉnh nguồn vốn thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn năm 2016 (do không có nguồn vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước), số tiền là 119.277 triệu đồng.

(Chi tiết như phụ lục 01 gửi kèm theo)

2. Phê duyệt Danh mục công trình/dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2019 – 2020 còn lại và nguồn vốn dự phòng ngân sách tập trung tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên.

2.1. Danh mục 120 công trình/dự án, gồm:

- Xây dựng công trình Trường học: 47 công trình/dự án (số phòng dự kiến: 409 phòng);
- Cải tạo, nâng cấp đường GTNT: 52 công trình/dự án (chiều dài dự kiến, L=87.268m);
- Xây dựng công trình Cầu (GTNT): 03 công trình/dự án (chiều dài dự kiến, L=33m);
- Xây dựng công trình Nhà văn hóa xã và Nhà văn hóa thôn: 15 công trình/dự án;
- Xây dựng công trình Trạm y tế xã: 02 công trình/dự án;
- Cải tạo, nâng cấp kênh mương thủy lợi: 01 công trình/dự án.

(Chi tiết như Phụ lục 02 gửi kèm theo)

2.2. Tổng mức đầu tư dự kiến (theo Danh mục công trình/dự án): 929.586 triệu đồng.



Handwritten signature or mark.

2.3. Nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý: **314.000 triệu đồng** (trong đó, nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2019 – 2020 còn lại là 194.723 triệu đồng và nguồn vốn dự phòng ngân sách tập trung tỉnh quản lý giai đoạn 2016 – 2020 là 119.277 triệu đồng); mức hỗ trợ đối với mỗi công trình/dự án dưới 50% tổng mức đầu tư.

- Ngân sách huyện, xã và nguồn huy động hợp pháp khác đầu tư phần còn lại.

1.4. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn các xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên.

1.5. Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

2.6. Đề nghị UBND tỉnh:

- Giao UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo các xã hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã chịu trách nhiệm, đảm bảo các công trình/dự án đề xuất sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2019 – 2020 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới không bị trùng lặp với các công trình/dự án khác.

- Giao UBND các huyện, thành phố và UBND các xã chịu trách nhiệm cân đối, bố trí và huy động các nguồn vốn hợp pháp đảm bảo đúng phần vốn đối ứng. Đối với các công trình có sự đóng góp của nhân dân không huy động vốn vượt quá sức dân theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Công văn: số 1447/TTg-KTN ngày 13/8/2014, số 2003/TTg-KTN ngày 05/11/2015 và thực hiện theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ.

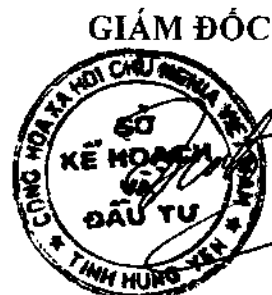
- Giao các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện của UBND các huyện, thành phố và các xã.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 2209/TTr-SKHĐT ngày 18/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KTN.



Trịnh Văn Diễn

DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN BỔ TRÍ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MŨC QUA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2019 ĐỂ THAY THẾ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HÒA KINH MƯƠNG VÀ ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2016 (ĐO KHÔNG CÓ NGUỒN VỐN VAY TÍN DỤNG

(Gửi kèm tờ trình số 2412/TT-SKHDT ngày 19 / 11 / 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

Phụ lục 01:



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	anh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn tin dụng ĐPTT của Nhà nước năm 2016 giao tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Dự kiến kế hoạch phân bổ vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách Trung ương năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	8	9
TỔNG SỐ						
I HUYỆN AN THỊ						
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn từ Xuân Nguyên-Trúc Nội đến thị trấn Ân Thi)	99C/QĐ-UBND ngày 07/10/2015; 235/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	6.150	1.500	777	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đa Lộc (T2), xã Đa Lộc	52/QĐ-UBND ngày 20/10/2015; 07/QĐ-UBND ngày 20/2/2017	2.980	1.500	1.500	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ngọc Châu, xã Quang Vinh	30/QĐ-UBND ngày 18/10/2015; 83/QĐ-UBND ngày 28/12/2016	2.780	1.500	1.500	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bình Xá, xã Cẩm Ninh	112a/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 86/QĐ-UBND ngày 23/12/2016	4.192	1.500	1.500	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn 2, xã Hạ Lễ	68/QĐ-UBND ngày 24/10/2015; 124/QĐ-UBND ngày 27/12/2016	5.784	1.500	1.500	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đường trục xã, xã Hoàng Hoa Thám	95/QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 101/QĐ-UBND ngày 20/12/2016	3.433	1.500	1.500	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nhân Vũ, xã Nguyễn Trãi	82/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 117/QĐ-UBND ngày 22/12/2016	5.154	1.500	1.500	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đào Xá, xã Đào Dương	36/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 86/QĐ-UBND ngày 28/12/2016	2.833	1.500	1.500	
II HUYỆN MỸ HẢO						
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Dục (đường từ trạm bơm quản Dìn Xuân Đào đến đường bê tông thôn Xuân Bản)	37/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 02A/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	2.997	1.000	1.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hòa Phong (đoạn từ DH.31 vào thôn Phúc Miếu)	33/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 01F/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	2.982	1.000	1.000	
			35.299	12.000	12.000	

TT	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn tín dụng ĐYT của Nhà nước năm 2016 giao tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Dự kiến kế hoạch phân bổ vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách Trung ương năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	8	9
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hòa Phong (đường thôn Hòa Lạc - tuyến 2)	33b/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 01E/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	2.997	1.000	1.000	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Long (đường thôn Tân Hưng)	128/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 02/QĐ-UBND ngày 14/02/2017	2.999	1.000	1.000	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Dục (đường thôn Xuân Đào - tuyến 1)	35/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 02E/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	2.731	1.000	1.000	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá (đường thôn Dấu)	88/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 01/QĐ-UBND ngày 20/02/2017	2.998	1.000	1.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Long (đường thôn Phú Sơn)	127/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 03/QĐ-UBND ngày 14/02/2017	2.985	1.000	1.000	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Long (đường thôn Vinh Quang)	127B/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 04/QĐ-UBND ngày 14/02/2017	2.845	1.000	1.000	
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá (đường thôn Bời)	87/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 02/QĐ-UBND ngày 20/02/2017	2.995	1.000	1.000	
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phan Đình Phùng (đường thôn Nghĩa Trang)	34b/QĐ-UBND ngày 20/10/2015; 04/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	2.852	1.000	1.000	
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dương Quang (đường thôn Dương Xá)	27/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 12a/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	3.000	1.000	1.000	
12	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phan Đình Phùng (đường thôn Hoàng Lê)	34c/QĐ-UBND ngày 20/10/2015; 04A/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	2.918	1.000	1.000	
III	HUYỆN VĂN LÂM		28.311	12.256	12.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đình Dù (đường thôn Thị Trung)	72b/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 11E/QĐ-UBND ngày 22/02/2017	2.981	1.200	944	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đình Dù (đoạn từ Đình Dù đến đường thôn Xuân Lội)	72c/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 11F/QĐ-UBND ngày 22/02/2017	2.994	1.200	1.200	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Hải (đường thôn Thanh Đăng)	118A/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; 62A/QĐ-UBND ngày 05/5/2017	2.979	1.200	1.200	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đình Dù (đường thôn Đồng Xá)	72Đ/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 11g/QĐ-UBND ngày 22/02/2017	2.978	1.200	1.200	

TT	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn tin dụng DYTPT của Nhà nước năm 2016 giao tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Dự kiến kế hoạch phân bổ vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách Trung ương năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	8	9
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lạc Hồng (đường thôn Minh Hải)	290/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 73A/QĐ-UBND ngày 22/02/2017	2.954	1.200	1.200	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chi Đạo (đường thôn Trinh Xã)	32b/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 13A/QĐ-UBND ngày 22/02/2017	2.938	1.200	1.200	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lạc Hồng (đường thôn Nhạc Miếu)	292B/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 73b/QĐ-UBND ngày 22/02/2017	2.960	1.200	1.200	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chi Đạo (đường thôn Cát Lư)	30b/QĐ-UBND ngày 20/10/2015; 13B/QĐ-UBND ngày 22/02/2017	2.938	1.200	1.200	
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lạc Hồng (đoạn từ thôn Nhạc Miếu đến đường huyện và đoạn từ đường trục xã vào thôn Bình Minh)	267a/QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 180A/QĐ-UBND ngày 09/5/2017	2.300	1.200	1.200	
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Hải (đoạn từ thôn Thanh Đăng đến thôn Hoàng Nha và đoạn từ thôn Ao đến thôn Khách)	126b/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 35/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	2.289	1.456	1.456	
IV	HUYỆN YÊN MỸ		28.355	12.000	12.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàn Long (đoạn qua thôn Hòa Mục và đoạn qua thôn Đại Hành)	50b/QĐ-UBND ngày 14/10/2015; 44/QĐ-UBND ngày 04/10/2017	2.782	1.200	1.200	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đồng Than (đoạn qua thôn Trương Kênh Cầu)	163A/QĐ-UBND ngày 06/10/2015; 54/QĐ-UBND ngày 10/4/2017	2.824	1.200	1.200	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thanh Long (đoạn qua thôn Đăng Xá)	82b/QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 368/QĐ-UBND ngày 29/12/2016	2.850	1.200	1.200	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Giai Phạm (đoạn qua thôn Từ Cầu)	30d/QĐ-UBND ngày 09/10/2015; 136a/QĐ-UBND ngày 10/4/2017	2.867	1.200	1.200	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Việt (đoạn qua thôn Cảnh Lâm)	90a/QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 65/QĐ-UBND ngày 23/12/2016	2.756	1.200	1.200	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lý Thường Kiệt (đoạn từ DT.382 đi Nóng trường Tam Thiên Mẫu)	55b/QĐ-UBND ngày 13/10/2015; 22b/QĐ-UBND ngày 22/3/2017	2.983	1.200	1.200	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Việt (đoạn qua thôn Lăng Cầu)	95a/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 20/QĐ-UBND ngày 20/10/2017	2.763	1.200	1.200	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Long	275a/QĐ-UBND ngày 16/10/2015; 25a/QĐ-UBND ngày 22/3/2017	2.821	1.200	1.200	

TT	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn tin dụng ĐTTT của Nhà nước năm 2016 giao tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Dự kiến kế hoạch phân bổ vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách Trung ương năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	8	9
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liêu Xá	33a/QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 30/QĐ-UBND ngày 29/3/2017	2.876	1.200	1.200	
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Châu (đoạn qua thôn Quảng Uyên)	41b/QĐ-UBND ngày 13/10/2015; 155b/QĐ-UBND ngày 27/12/2016	2.833	1.200	1.200	
V HUYỆN VĂN GIANG						
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Trụ (đoạn từ thôn Lê Cao đến thôn Đại Tài)	31a/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	2.611	1.200	1.200	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Khúc (đoạn từ xã Trưng Trắc đến đầu làng Thuần Đông và đoạn từ quán đá Vĩnh Bảo đến khu công nghiệp Vĩnh Khúc)	39a/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	2.249	1.200	1.200	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cửu Cao (đoạn từ thôn Nguyễn đến thôn Hạ)	75a/QĐ-UBND ngày 19/10/2015	2.440	1.200	1.200	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Tân Tiến (đoạn từ Cống Chuôm (ch đến thôn Đa Ngưu)	153b/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	2.208	1.200	1.200	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Quan (đoạn từ đường 179 đến công Vực - đăm Bươu)	70a/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	2.271	1.200	1.200	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Thăng Lợi (đoạn từ ngã ba đi thôn Tầm Tang đến nhà ông Trường và đoạn từ thôn Tầm Tang đi xóm Ngự Nghiệp)	62a/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	2.303	1.200	1.200	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Trụ (đoạn từ thôn Đồng Tỉnh đến thôn 13 và đoạn từ thôn Lê Cao tới đường trục xã)	30/QĐ-UBND ngày 19/10/2015	2.998	1.200	1.200	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Tiến (điểm đầu từ chợ Châu đến cụm công nghiệp Tân Tiến)	152b/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	2.258	1.200	1.200	
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Xuân Quan (đoạn từ đường 179 đi thôn 12)	70b/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	3.485	1.200	1.200	
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Thăng Lợi (đoạn từ ngã ba cây xăng đến nhà ông Trọng và đoạn từ đường Hiệu đến đường bê tông đi đê sông Hồng)	62b/QĐ-UBND ngày 20/10/2015; 02/QĐ-UBND ngày 15/02/2017	2.615	1.200	1.200	
VI HUYỆN PHÚ CŨ						
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tống Trân	154/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	2.298	1.500	1.500	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phan Sào Nam	55/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	2.040	1.500	1.500	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tống Phan	77a/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 02/QĐ-UBND ngày 09/01/2017	5.907	1.500	1.500	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Hưng	95b/QĐ-UBND ngày 05/10/2015	2.950	1.500	1.500	

TT	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn tin dụng ĐTPPT của Nhà nước năm 2016 giao tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Dự kiến kế hoạch phân bổ vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách Trung ương năm 2019	Chi chú
1	2	3	4	5	8	9
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tân	36/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 05/QĐ-UBND ngày 12/12/2017	4.200	1.500	1.500	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tiên Tiến	29/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 43/QĐ-UBND ngày 12/12/2016	5.611	1.500	1.500	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào	35/QĐ-UBND ngày 12/10/2015; 1A/QĐ-UBND ngày 09/01/2017	4.001	1.500	1.500	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đình Cao	45/QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 16/QĐ-UBND ngày 02/20/2017	2.993	1.500	1.500	
VII HUYỆN TIỀN LŨ			17.028	12.000	12.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Đạo	59/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	2.298	2.000	2.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều	103a/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 165/QĐ-UBND ngày 20/12/2016	2.992	2.000	2.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thủ Sỹ	78/QĐ-UBND ngày 20/10/2015; 09/QĐ-UBND ngày 23/01/2017	2.948	2.000	2.000	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên	36/QĐ-UBND ngày 13/10/2015; 01a/QĐ-UBND ngày 13/3/2017	2.949	2.000	2.000	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đức Thắng	51/QĐ-UBND ngày 25/10/2015; 52/QĐ-UBND ngày 28/11/2016	2.880	2.000	2.000	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Phương	35a/QĐ-UBND ngày 24/10/2015; 57a/QĐ-UBND ngày 28/11/2016	2.961	2.000	2.000	
VIII HUYỆN KHOÀI CHÂU			29.581	12.000	12.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Tập (đoạn từ nhà ông Tinh đến Đền thờ quan Chấn Bặc)	73a/QĐ-UBND ngày 15/10/2015	2.950	1.200	1.200	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chi Tân (đoạn 1, từ bưu điện xã đến đội 7 thôn Nghi Xuyên; đoạn 2, từ nghĩa trang liệt sỹ đến Đổng giặc)	72/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	2.950	1.200	1.200	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An VT (đoạn từ Bốt điện đến ông Đào Khue)	79A/QĐ-UBND ngày 16/9/2015	2.950	1.200	1.200	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dã Trạch (đoạn 1, từ nhà ông Thăng đến nhà Châu Tinh; đoạn 2, từ DT.377, đền trường Trần Quang Khải)	46c/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	2.950	1.200	1.200	

SỐ
HỌCH
VÀ
GẤU TƯ

TT	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn tín dụng ĐTVT của Nhà nước năm 2016 giao tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Dự kiến kế hoạch phân bổ vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách Trung ương năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	8	9
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Tiến	51/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	2.995	1.200	1.200	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Tiến (đoạn 1, từ nghĩa trang con Gà đến nghĩa trang thôn Thố Khố; đoạn 2, từ đầu cây đa Đông Đông đến ông Hải gù; đoạn 3, từ nhà Luyến tập đến QL.39; đoạn 4, từ thôn An Lạc đến cầu Đồi Ngang)	37/QĐ-UBND ngày 23/10/2015; 16/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	2.950	1.200	1.200	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dân Tiến (đoạn từ ông Tỉnh Ngà đến nhà ông Cừ)	91a/QĐ-UBND ngày 28/9/2015	2.950	1.200	1.200	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Hòa (đoạn từ ngã ba kiến thiết thôn Lôi Cầu đến giáp ĐT.384)	34A/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 19/QĐ-UBND ngày 19/5/2017	2.950	1.200	1.200	
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Khê (đoạn từ ông Thường thôn Cẩm Khê đến ông Tuyên thôn Cẩm Bối)	101/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 73/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	2.950	1.200	1.200	
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Tào	40/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	2.986	1.200	1.200	
IX THÀNH PHỐ HƯNG YÊN						
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Nghĩa (đoạn 1, từ nhà ông Đai đến đình thôn Tinh Ninh; đoạn 2, từ QL.38 đến đình thôn Đặng Cầu)	49/QĐ-UBND ngày 26/9/2015	34.865	12.000	12.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ ngã tư đường trục xã đến khu xây dựng trung tâm hành chính mới)	48a/QĐ-UBND ngày 12/10/2015	2.960	1.000	1.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ bãi rác thải đến dốc ông Lê)	64c/QĐ-UBND ngày 25/10/2015	2.950	1.000	1.000	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Châu (đoạn từ nhà ông Dân đến nhà anh Khiết)	231/QĐ-UBND ngày 05/10/2015	2.450	1.000	1.000	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ nhà ông Quyền thôn Phương Hoàng đến đường Tân Trung)	68/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	2.860	1.000	1.000	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Châu (đoạn từ ngã ba giáp nhà ông Hữu đi sông Hồng)	236/QĐ-UBND ngày 06/10/2015	2.995	1.000	1.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Nam (đoạn 1, từ Tuấn Thủy đến ông Quý; đoạn 2, từ ĐH.72 đến ông Nhuận; đoạn 3, từ ĐH.72 đến ruộng ông Cảnh đội 3)	96A/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	2.950	1.000	1.000	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ bến đò Vũ Điện đi ngã tư đường ông Dục)	47a/QĐ-UBND ngày 10/10/2015	2.920	1.000	1.000	
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ đập Gò đi xã Ngọc Thanh)	61/QĐ-UBND ngày 21/9/2015	2.950	1.000	1.000	
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ nhà ông Đù thôn Đông Hạ đi nhánh sông Hồng)	69/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	2.980	1.000	1.000	
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Châu (đoạn từ ngã tư thôn 1 đến Nam Tiến)	228/QĐ-UBND ngày 28/9/2015	2.950	1.000	1.000	

TT	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn từ dự án DTPP của Nhà nước năm 2016 giao tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh	Dự kiến kế hoạch phân bổ vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ ngân sách Trung ương năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	8	9
12	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ dốc đình Trung đến đình Cãi)	64/QĐ-UBND ngày 25/9/2015	2.950	1.000	1.000	
X	HUYỆN KIM ĐỘNG		30.336	12.000	12.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chính Nghĩa (tuyến 1, từ đường huyện DH.60 đến cầu Điện Biên; tuyến 2, từ cửa Chùa Theo đến mương Nội)	39/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 11/QĐ-UBND ngày 12/9/2017	3.019	1.200	1.200	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thị trấn Lương Bằng (tuyến 1, từ cửa nhà ông Chuân đến cửa nhà ông Diêm thôn Đông Xá; tuyến 2, từ cửa nhà ông Cấn đến đầu mương nổi mệ chướm)	78c/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 71/QĐ-UBND ngày 12/9/2017	3.159	1.200	1.200	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ ngã tư đình Ngô Xá đến nhà Quán thôn Ngô Xá)	67/QĐ-UBND ngày 23/10/2015; 28a/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	3.100	1.200	1.200	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Thịnh (đoạn từ đường DH.71 đến nhà ông Mạnh Lối đường Cừ Huân)	90/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 30b/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	2.225	1.200	1.200	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Song Mai (tuyến 1, từ nhà ông Thành đến công nhà ông Huân thôn Phan Thủy; tuyến 2, từ nhà ông Lấn đến công sát thôn Phan Thủy; tuyến 3, từ nhà ông Hương đến gốc cây đa thôn Phan Thủy; tuyến 4, từ nhà ông Bảy đến mương N4 thôn Hoàng Độc; Tuyến 5, từ nhà ông Hưng đến giáp đồng Đức Hợp)	87b/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 02a/QĐ-UBND ngày 03/01/2018	3.151	1.200	1.200	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Thịnh (đoạn từ đường DH.71 đến ngã tư mương Văn Chí)	89/QĐ-UBND ngày 26/10/2015; 30a/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	3.341	1.200	1.200	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đức Hợp (tuyến 1, từ đầu đường BT đến công ông Khiêm thôn Phú Mỹ; tuyến 2, từ đường BT thôn Thái Hòa đến cửa nhà ông Chiến thôn Trung Khu)	51a/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	3.123	1.200	1.200	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thọ Vinh (tuyến 1, từ nhà ông Di đến đền Miếu; tuyến 2, từ công 67 đến bãi rạc; tuyến 3, từ đường 53 đến đường đi Tây Tiến)	93a/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	3.193	1.200	1.200	
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Mai Động	111/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; 02/QĐ-UBND ngày 18/01/2018	3.004	1.200	1.200	
10	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thọ Vinh (tuyến 1, từ công ông Sư đến đất ông Đăng; tuyến 2, từ quán Ao cá đến điện Mết; tuyến 3, từ Tây Tiến đến đường liên xã)	99a/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	3.021	1.200	1.200	



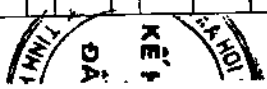
PHỤ LỤC 02:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ KIỆN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGÂN SÁCH TRƯNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2019 - 2020 CÒN LẠI VÀ NGUỒN VỐN DỰ PHÒNG NGÂN
TRUNG TỈNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH HƯNG YÊN
(Gửi kèm theo Tờ trình số 24/TT-SKHĐT ngày 19/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)



STT	Tên dự án	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)	Vốn đầu tư		Cơ quan quyết định đầu tư (hoặc Chủ đầu tư)	Ghi chú
						Tổng đầu tư	Trong đó:		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
TỔNG SỐ									
I	THÀNH PHỐ HƯNG YÊN				929.586	314.000	615.586		
1	Xã Hùng Cường				53.659	21.600	32.059		
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ điểm giao đường Đắc Lã, thôn Phương Hoàng đến điểm giao ngã ông Ủy)	Đường	Xưởng cấp	L=920m	4.500	2.000	2.500	UBND xã	
-	Xây dựng công trình 2 tầng 4 phòng Trường mầm non khu trung tâm xã Hùng Cường	Trường học	Xưởng cấp và còn thiếu	4 phòng; S=720m ²	6.996	3.400	3.596	UBND xã	
2	Xã Bảo Khê								
-	Xây dựng công trình Nhà văn hóa xã Bảo Khê	Nhà văn hóa	Chưa có	S=1.200m ²	14.500	4.000	10.500	UBND xã	
3	Xã Phú Cường								
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (đoạn từ đ.đ. ông Khai đến đ.đ.đ. ông Sĩ)	Đường	Xưởng cấp	L=900m	3.300	1.500	1.800	UBND xã	
4	Xã Quảng Châu								
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (tuyến 1: từ đ.đ. Hoàng Bả đến công ông Miên, thôn 5; nhánh tuyến 1: từ nhà ông Thành đến nhà ông Công, thôn 5; Tuyến 2: từ công xóm 8 đến công cụ Bường; Tuyến 3: từ ngã ba đầu vườn ông Lã Định đến công xóm 10, thôn 5)	Đường	Xưởng cấp	L=2.093m	12.763	5.500	7.263	UBND xã	
5	Xã Hoàng Hanh								
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ đường công vụ cầu Hưng Hà đến đường ra bến đò Vũ Điện)	Đường	Xưởng cấp	L=800m	3.250	1.500	1.750	UBND xã	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn 1, từ ngã 3 nhà ông Luyện đến giáp xã Tân Hưng; đoạn 2, từ ngã 4 chợ đến công ông Phó)	Đường	Xưởng cấp	L=1.000m	4.950	2.200	2.750	UBND xã	
6	Xã Liên Phương								
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Phương (đoạn từ đường ADB đến trại ông Đai)	Đường	Xưởng cấp	L=700m	3.400	1.500	1.900	UBND xã	
II	HUYỆN TIỀN LŨ				88.246	30.300	57.946		
1	Xã Đức Thắng								
-	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học Trường Tiểu học xã Đức Thắng	Trường học	Xưởng cấp và còn thiếu	10 phòng; S=908m ²	7.500	3.500	4.000	UBND xã	
-	Xây dựng nhà văn hóa thôn An Lạc, xã Đức Thắng	Nhà văn hóa	Xưởng cấp	S=270m ²	3.500	1.000	2.500	UBND xã	
2	Xã Thủ Sỹ								

Stt	Huyện, xã và Danh mục công trình/dự án	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)	Vốn đầu tư			Cơ quan quyết định đầu tư (hoặc Chủ đầu tư)	Ghi chú
						NS Trung ương và nguồn vốn dự phòng Ngân sách tỉnh (NS tính quân bổ)	NS huyện, xã và nguồn vốn khác (Đầu tư phần còn lại)	(6)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Thủ Sỹ (đoạn từ đường bê tông xã Hồng Nam đến ngõ ông Cầu, thôn Lê Bãi)	Đường	Xuống cấp	L=2.000m	4.500	2.000	2.500	UBND xã		
3	Xã Ngô Quyền									
-	Xây dựng cầu giao thông nông thôn Trinh Mỹ, xã Ngô Quyền	Cầu	Xuống cấp	L=12m	10.000	2.000	8.000	UBND huyện		
-	Xây dựng nhà lớp học 10 phòng Trường THCS xã Ngô Quyền	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	10 phòng; S=800m ²	6.000	1.500	4.500	UBND huyện		
4	Xã Trung Dũng									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng	Đường	Xuống cấp	L=2.000m	8.000	2.000	6.000	UBND huyện		
5	Xã Di Chế									
-	Xây dựng công trình Nhà văn hóa xã Di Chế	Nhà văn hóa	Chưa có	S=520m ²	8.946	3.500	5.446	UBND xã		
-	Xây dựng công trình Nhà văn hóa thôn Chế Chi, xã Di Chế	Nhà văn hóa	Chưa có	S=200m ²	2.500	1.000	1.500	UBND xã		
6	Xã Hải Triều									
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng Trường mầm non xã Hải Triều	Trường học	Còn thiếu	8 phòng; S=1.000m ²	8.800	3.500	5.300	UBND xã		
7	Xã Cường Chính									
-	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học Trường THCS xã Cường Chính	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	6 phòng; S=856m ²	7.500	3.000	4.500	UBND xã		
8	Xã An Viên									
-	Xây dựng Trạm Y tế xã An Viên	Trạm Y tế	Xuống cấp	S=500m ²	5.000	2.300	2.700	UBND xã		
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Viên (đoạn từ Công Tiến Phong, giao với đường ĐH.72 đến đường trục phía Bắc)	Đường	Xuống cấp	L=2.700m	8.000	2.000	6.000	UBND huyện		
9	Xã Thủy Lôi									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thủy Lôi	Đường	Xuống cấp	L=2.300m	8.000	3.000	5.000	UBND huyện		
III	HUYỆN PHÙ CÙ				105.300	28.400	76.900			
1	Xã Nhật Quang									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhật Quang (Đoạn 1, từ ĐH.80 đến công Trường tiểu học; Đoạn 2, từ ĐH.64 đến Chùa Bà; Đoạn 3, từ nhà ông Huệ đến Trường THPT Phù Cù)	Đường	Xuống cấp	L=2.000m	8.000	2.500	5.500	UBND xã		
2	Xã Đoàn Đào									
-	Xây dựng cầu thôn Đông Cáp, xã Đoàn Đào	Cầu	Xuống cấp	L=15m	15.000	3.000	12.000	UBND huyện		
3	Xã Minh Hoàng									
-	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học Trường THCS xã Minh Hoàng	Trường học	Còn thiếu	6 phòng; S=600m ²	8.000	3.000	5.000	UBND huyện		
4	Xã Tống Phan									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tống Phan (Đoạn 1, từ ĐH.87 nhà ông Quý; thôn Hạ Cát đến nhà ông Văn và từ nhà ông Âu đến nhà ông Tỉnh trên đường ĐH.87; Đoạn 2, từ nhà ông Tác đến nhà ông Thuần, thôn Phan Xá; Đoạn 3, từ nhà trẻ thôn Tống Xá đến ngã 3 đồng Ái)	Đường	Xuống cấp	L=3.000m	12.000	2.400	9.600	UBND xã		
5	Xã Minh Tiến									

Stt	Huyện, xã và Danh mục công trình/dự án	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)	Vốn đầu tư		Cơ quan quyết định đầu tư (hoặc Chủ đầu tư)	Ghi chú
						Trong đó:	NS Trung ương và nguồn vốn dự phòng Ngân sách tỉnh (NS tính qua ngân ỹ)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tiến (Đoạn 1, từ đường 386 đến Nghĩa Trung thôn Phú Quang, Đoạn 2, từ ngã tư Phú Quang đến nhà ông Tuyết, Đoạn 3, từ ngã ba Kim Phương đến nhà ông Ngân)	Đường	Xuống cấp	L=3.000m	12.000	2.500	9.500	UBND xã	
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng, 4 phòng Trường mầm non xã Minh Tiến	Trường học	Còn thiếu	4 phòng; S=400m ²	9.000	2.000	7.000	UBND xã	
6	Xã Tam Đa Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tam Đa (Đoạn từ đường 386 đến nhà ông Lưu thôn Ngồi Phúc, cảnh đống Ngồi)	Đường	Xuống cấp	L=3.000m	12.000	3.000	9.000	UBND xã	
7	Xã Tống Trân Cải tạo, nâng cấp kênh mương vùng bãi tại các thôn: An Cầu và Vông Phan, xã Tống Trân	Thủy lợi	Xuống cấp	L=1.500m	4.500	1.500	3.000	UBND xã	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tống Trân (đường giao thông vùng bãi tại các thôn: An Cầu và Vông Phan)	Đường	Xuống cấp	L=1.800m	4.800	2.000	2.800	UBND xã	
8	Xã Nguyễn Hòa Xây dựng Nhà lớp học bộ môn 2 tầng, 6 phòng học Trường THCS xã Nguyễn Hòa	Trường học	Còn thiếu	6 phòng; S=650m ²	10.000	3.500	6.500	UBND huyện	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Hòa (Đoạn từ dốc đê thôn Thị Giang đến sân bóng thôn Hà Đăng)	Đường	Xuống cấp	L=2.500m	10.000	3.000	7.000	UBND huyện	
IV	HUYỆN AN THỊ				119.254	43.500	75.754		
1	Xã Tiên Phong Xây dựng công trình Nhà văn hóa xã Tiên Phong	Nhà văn hóa	Xuống cấp	S=1.200m ²	12.800	3.500	9.300	UBND xã	
-	Xã Đa Lộc Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng, 10 phòng Trường Tiểu học xã Đa Lộc	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	10 phòng; S=1.000m ²	10.400	3.000	7.400	UBND xã	
3	Xã Văn Nhuệ Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bình Nguyễn, xã Đa Lộc	Đường	Xuống cấp	L=1.500m	5.500	1.500	4.000	UBND xã	
4	Xã Hồng Quang Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Quang (đoạn từ nhà ông Quang lên Đòng Chuốt, thôn Vũ Dương)	Đường	Xuống cấp	L=1.400m	3.950	1.700	2.250	UBND xã	
5	Xã Hồ Tùng Mậu Xây dựng Nhà lớp học 8 phòng Trường Tiểu học xã Hồ Tùng Mậu	Trường học	Còn thiếu	8 phòng; S=1032m ²	6.900	2.900	3.100	UBND huyện	
6	Xã Hồng Văn Xây dựng công trình nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học xã Hồng Văn	Trường học	Còn thiếu	8 phòng; S=864m ²	6.200	2.600	3.600	UBND xã	
7	Xã Xuân Trúc Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng, 12 phòng Trường THCS xã Xuân Trúc	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	12 phòng; S=1.390m ²	9.500	3.000	6.500	UBND xã	
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng, 12 phòng Trường Tiểu học xã Xuân Trúc	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	12 phòng; S=1.340m ²	8.500	3.000	5.500	UBND xã	



 KẾ T
 ĐẢ
 TỈNH

Stt	Huyện, xã và Danh mục công trình/dự án	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)	Vốn đầu tư			Cơ quan quyết định đầu tư (hoặc Chi đầu tư)	Ghi chú
						NS Trung ương và nguồn vốn khác Ngân sách tỉnh (NS tỉnh quản lý)	NS huyện, xã và nguồn vốn khác (Đầu tư phần còn lại)	(7)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
8	Xã Đào Dương									
-	Xây dựng Nhà văn hóa xã Đào Dương	Nhà văn hóa	Chưa có	S=692m ²	6.600	3.000	3.600	UBND xã		
9	Xã Hạ Lễ									
-	Xây dựng Nhà văn hóa thôn số 5, xã Hạ Lễ	Nhà văn hóa	Chưa có	S=153m ²	2.200	1.000	1.200	UBND xã		
10	Xã Quảng Lăng									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Lăng (đoạn từ thôn Bình Cầu 1 đến đường 62 và đoạn từ UBND xã đến trạm y tế xã)	Đường	Xuống cấp	L=1.120m	3.500	1.500	2.000	UBND xã		
-	Xây dựng công trình nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Quảng Lăng	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	8 phòng; S=864m ²	6.200	3.000	3.200	UBND xã		
11	Xã Quang Vinh									
-	Xây dựng Nhà lớp học 8 phòng học- Trường Tiểu học xã Quang Vinh	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	8 phòng; S=615m ²	5.011	2.000	3.011	UBND xã		
12	Xã Bắc Sơn									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bắc Sơn (đường trục xã, đoạn từ Trường mầm non đến TL.382)	Đường	Xuống cấp	L=2.000m	10.000	4.800	5.200	UBND huyện		
13	Xã Cẩm Ninh									
-	Xây dựng Nhà lớp học 6 phòng học, Trường THCS xã Cẩm Ninh	Trường học	Còn thiếu	6 phòng; S=725m ²	5.382	1.500	3.882	UBND xã		
14	Xã Bãi Sậy									
-	Xây dựng Nhà lớp học 8 phòng học Trường tiểu học xã Bãi Sậy	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	8 phòng; S=615m ²	5.011	2.000	3.011	UBND xã		
V	HUYỆN KIM ĐỘNG									
1	Xã Phạm Ngũ Lão									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phạm Ngũ Lão (đoạn 1, từ đầu đường 38 đến công Chấn Tráng; đoạn 2, từ công Chấn Tráng đến đường Nghệ)	Đường	Xuống cấp	L=1.300m	3.200	1.500	1.700	UBND xã		
2	Xã Nhân La									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhân La (đoạn từ cây đa mã chết đến đồng ché)	Đường	Xuống cấp	L=1.500m	3.800	1.600	2.200	UBND xã		
3	Xã Ngọc Thành									
-	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường Tiểu học xã Ngọc Thành	Trường học	Còn thiếu	8 phòng; S=675m ²	7.800	2.500	5.300	UBND xã		
4	Xã Thọ Vinh									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thọ Vinh (đoạn từ ngã tư chợ đến đường 378)	Đường	Xuống cấp	L=2.000m	12.000	4.000	8.000	UBND xã		
-	Xây dựng Nhà văn hóa xã Thọ Vinh	Nhà văn hóa	Xuống cấp	S=562m ²	7.500	2.000	5.500	UBND xã		
5	Xã Vũ Xá									
-	Xây dựng Nhà văn hóa xã Vũ Xá	Nhà văn hóa	Chưa có	S=562m ²	7.000	3.000	4.000	UBND xã		
-	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường Tiểu học xã Vũ Xá	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	8 phòng; S=675m ²	7.500	3.000	4.500	UBND xã		

Stt	Huyện, xã và Danh mục công trình/dự án	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)	Vốn đầu tư			Cơ quan quyết định đầu tư (hoặc Chủ đầu tư)	Chức vụ
						Trong đó:				
						NS Trung ương và nguồn vốn dự phòng Ngân sách tỉnh (NS tỉnh quản lý)	NS huyện, xã và nguồn vốn khác (Đầu tư phân cấp)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
-	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Vũ Xã	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	8 phòng; S=675m ²	7.500	3.000	4.500	UBND xã		
6	Xã Mai Động Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Mai Động (đoạn từ cây xăng đến ngã ba đường Vàng)	Đường	Xuống cấp	L=3.000m	9.500	2.000	7.500	UBND xã		
-	Xây dựng nhà văn hóa xã Mai Động	Nhà văn hóa	Xuống cấp	S=562m ²	7.000	2.000	5.000	UBND xã		
-	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Mai Động	Trường học	Còn thiếu	8 phòng; S=675m ²	7.000	2.000	5.000	UBND xã		
7	Xã Nghĩa Dân Xây dựng nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng Trường THCS xã Nghĩa Dân	Trường học	Còn thiếu	8 phòng; S=1.290m ²	8.500	2.000	6.500	UBND xã		
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Dân (đoạn từ Đường Cao ra Đình Bải, đoạn từ Lăng đến Đình Dờ và đoạn từ đường liên xã đến bờ sông Điện Biên)	Đường	Xuống cấp	L=3.000m	6.500	2.500	4.000	UBND xã		
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Dân (tuyến 1: từ đường Đông Lâm đi đường trục xã đến bờ sông Điện Biên; tuyến 2: từ đường Sợ Hàng đi từ đường trục xã đến bờ sông Điện Biên)	Đường	Xuống cấp	L=1.200m	3.500	1.500	2.000	UBND xã		
8	Xã Toàn Thắng Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng Trường Tiểu học xã Toàn Thắng	Trường học	Còn thiếu	8 phòng; S=675m ²	7.800	2.000	5.800	UBND xã		
VI	HUYỆN KHOÀI CHÂU				144.023	51.900	92.123			
1	Xã Thuận Hưng Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thuận Hưng (đoạn từ nhà ông Năng thôn 3 đi nhà ông Vệ thôn 1 và kiến cố hóa kênh nưong dọc tuyến)	Đường	Xuống cấp	L=1.500m	12.500	4.500	8.000	UBND xã		
2	Xã Nhuế Dương Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhuế Dương (đoạn 1, từ ĐH.S9 đến đầu Làng Quan Xuyên; đoạn 2, nối từ đường Làng Quan Xuyên đến đầu Làng thôn Sài Quát)	Đường	Xuống cấp	L=1.000m	5.500	2.500	3.000	UBND xã		
3	Xã Đại Tập Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường THCS xã Đại Tập	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	8 phòng; S=675m ²	7.600	2.500	5.100	UBND xã		
4	Xã Thành Công Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS xã Thành Công	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	8 phòng; S=675m ²	7.500	2.000	5.500	UBND xã		
5	Xã Bình Kiến Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường mầm non khu trung tâm xã Bình Kiến	Trường học	Còn thiếu	10 phòng; S=1.450m ²	9.800	2.500	7.300	UBND xã		
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường THCS xã Bình Kiến	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	12 phòng; S=1.450m ²	10.000	3.000	7.000	UBND xã		
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiến (đoạn từ nhà ông Lưu, thôn An Cảnh đến nhà ông Hòa Đơn, thôn Ninh Vũ)	Đường	Xuống cấp	L=1.000m	3.800	1.600	2.200	UBND xã		
6	Xã Tân Dân									

Stt	Huyện, xã và Danh mục công trình/dự án	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)	Vốn đầu tư			Cơ quan quyết định đầu tư (hoặc Chủ đầu tư)	Ghi chú
						NS Trung ương và nguồn vốn dự phòng Ngân sách tỉnh (NS tính quy mô lý)	Trong đó:	NS huyện, xã và nguồn vốn khác (Đầu tư phần còn lại)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Tân Dân	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	12 phòng; S=1.260m ²	8.000	3.000	5.000	UBND xã		
7	Xã Hàm Tử									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hàm Tử (đoạn từ nhà ông Chiến đến đường ĐH.54)	Đường	Xuống cấp	L=1.200m	4.800	2.000	2.800	UBND xã		
8	Xã Từ Dân									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Từ Dân (đoạn từ công 3 ngách đến đầu ruộng nhà ông Huy gốc Lim)	Đường	Xuống cấp	L=950m	4.500	2.000	2.500	UBND xã		
-	Xây dựng công trình Nhà văn hóa, xã Từ Dân	Nhà văn hóa	Còn thiếu	S=1.200m ²	12.800	3.500	9.300	UBND xã		
9	Xã Đông Tảo									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Tảo (đoạn từ nhà ông Ngiêm, thôn Đông Tảo Đông ra đường ĐT.382; đoạn từ ĐT.382 đến nhà ông Thực, thôn Đông Tảo Nam)	Đường	Xuống cấp	L=1.420m	9.350	2.400	6.950	UBND xã		
-	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng, 6 phòng Trường THCS xã Đông Tảo	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	6 phòng; S=740m ²	4.800	2.000	2.800	UBND xã		
10	Xã Chi Tân									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chi Tân (đoạn từ nhà Tuyệt Đoán, thôn Nghi Xuyên đến nhà ông Hợi, thôn Cốc Phong)	Đường	Xuống cấp	L=450m	3.200	1.500	1.700	UBND xã		
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chi Tân (đoạn từ quán ông Hời đến ĐH.51; đoạn từ Trại Y tế xã đi bãi rác Tân Hưng)	Đường	Xuống cấp	L=900m	3.500	1.500	2.000	UBND xã		
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Tiểu học xã Chi Tân	Trường học	Còn thiếu	6 phòng; S=545m ²	5.400	2.600	2.800	UBND xã		
11	Xã Việt Hòa									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Hòa (đoạn từ đường WB đến bờ sông Tây Tân Hưng)	Đường	Xuống cấp	L=2.100m	3.000	1.400	1.600	UBND huyện		
12	Xã Đông Kết									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ Trường THCS Đông Kết đến đường ĐT.383)	Đường	Xuống cấp	L=640m	3.000	1.400	1.600	UBND huyện		
13	Xã Hồng Tiến									
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng Trường THCS xã Hồng Tiến	Trường học	Còn thiếu	6 phòng; S=1.180m ²	7.500	3.000	4.500	UBND xã		
14	Xã Phùng Hưng									
-	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học Trường THCS xã Phùng Hưng	Trường học	Còn thiếu	6 phòng; S=712m ²	4.200	2.000	2.200	UBND xã		
15	Xã Đông Tiến									
-	Xây dựng công trình Nhà văn hóa thôn Thổ Khối xã Đông Tiến	Nhà văn hóa	Chưa có	S=168m ²	2.200	1.000	1.200	UBND xã		
-	Xây dựng công trình Nhà văn hóa thôn Kim Tháp xã Đông Tiến	Nhà văn hóa	Chưa có	S=168m ²	2.300	1.000	1.300	UBND xã		
16	Xã Dọ Trạch									

STT	Huyện, xã và Danh mục công trình/dự án	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)	Vốn đầu tư			Cơ quan quyết định đầu tư (hoặc Chủ đầu tư)	Ghi chú
						Trong đó:		(9)		
						NS Trung ương và nguồn vốn dự phòng Ngân sách tỉnh (NS tỉnh quản lý)	NS huyện, xã và nguồn vốn khác (Đầu tư phân cấp lại)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường mầm non xã Dạ Trạch	Trường học	Còn thiếu	6 phòng; S=1.000m ²	8.773	3.000	5.773	UBND xã		
VII	HUYỆN YÊN MỸ				122.002	34.600	87.402			
1	Xã Đông Thôn									
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 3 tầng 8 phòng Trường THCS xã Đông Thôn	Trường học	Xuống cấp và còn thiếu	8 phòng; S=1.770m ²	11.000	4.000	7.000	UBND xã		
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 8 phòng Trường mầm non xã Đông Thôn	Trường học	Chưa có Trường mầm non Trung tâm	8 phòng; S=900m ²	14.500	3.000	11.500	UBND xã		
2	Xã Yên Phú									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Yên Phú (các thôn: Mễ Thượng, Mễ Hạ, Bình Phú, Tân Phú, Tư Hộ)	Đường	Xuống cấp	L=3.495m	14.500	2.600	11.900	UBND xã		
3	Xã Hoàn Long									
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Hoàn Long	Trường học	Còn thiếu	12 phòng; S=1.340m ²	8.700	2.000	6.700	UBND xã		
-	Cải tạo, nâng cấp cầu Tây vào thôn Trần Đông và thôn Đại Hạnh xã Hoàn Long	Cầu	Xuống cấp	L=6m	10.500	2.000	8.500	UBND xã		
4	Xã Lý Thường Kiệt									
-	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học xã Lý Thường Kiệt	Trường học	Còn thiếu	10 phòng; S=891m ²	7.500	2.000	5.500	UBND xã		
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 10 phòng Trường mầm non xã Lý Thường Kiệt	Trường học	Chưa có Trường mầm non Trung tâm	10 phòng; S=1.300m ²	11.000	3.000	8.000	UBND xã		
5	Xã Tân Việt									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Việt (thôn Yên Đổ)	Đường	Xuống cấp	L=1.630m	14.502	5.000	9.502	UBND xã		
-	Xây dựng công trình Nhà văn hóa thôn Lăng Cầu, xã Tân Việt	Nhà văn hóa	Chưa có	S=300m ²	2.200	1.000	1.200	UBND xã		
6	Xã Yên Hòa									
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường Tiểu học xã Yên Hòa	Trường học	Còn thiếu	8 phòng; S=890m ²	8.000	3.000	5.000	UBND xã		
7	Xã Minh Châu									
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học xã Minh Châu	Trường học	Còn thiếu	8 phòng; S=900m ²	7.000	3.000	4.000	UBND xã		
8	Xã Liêu Xá									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liêu Xá	Đường	Xuống cấp	L=1.200m	7.000	2.000	5.000	UBND xã		
9	Xã Tân Lập									

Stt	Huyện, xã và Danh mục công trình/dự án	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Tổng mức đầu tư (Dự kiến)	Vốn đầu tư			Cơ quan quyết định đầu tư (hoặc Chủ đầu tư)	Ghi chú
						NS Trung ương và nguồn vốn dự phòng Ngân sách tỉnh (NS tính quốc lý)	Trong đó:			
							NS huyện, xã và nguồn vốn khác (Đầu tư phần còn lại)	(6)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)		
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Lập	Đường	Xuống cấp	L=1.000m	5.600	2.000	3.600	UBND xã		
VIII HUYỆN MỸ HẢO										
I Xã Minh Đức										
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Đức (Đoạn 1, từ ĐH.31 đến công T12; Đoạn 2, từ QL5 đến ông Phục, thôn Phong Cốc; Đoạn 3, từ công trạm y tế xã đến ông Phương, thôn Sài Phi)	Đường	Xuống cấp	L=2.200	14.960	4.000	10.960	UBND xã		
2	Xã Hòa Phong				64.652	25.900	38.752			
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hòa Phong (Đoạn 1, từ ĐH.31 đến kênh T12 đồng H; Đoạn 2, từ kênh Văn Lâm đến cánh đồng Sào; Đoạn 3, từ công tiêu Phúc Lâm đến kênh Văn Lâm; Đoạn 4, từ đường bê tông đến kênh T12)	Đường	Xuống cấp	L=2.370m	10.000	4.400	5.600	UBND xã		
3 Xã Bạch Sơn										
-	Xây dựng công trình Trạm y tế xã Bạch Sơn	Trạm y tế	Xuống cấp	S=460m2	4.442	2.000	2.442	UBND xã		
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bạch Sơn (đoạn từ nhà ông Khoa đến nhà ông Hòa thôn Đọ và đoạn từ nhà ông Hòa đến nhà ông Toàn, thôn Phan)	Đường	Xuống cấp	L=800m	5.500	2.500	3.000	UBND xã		
4 Xã Ngọc Lâm										
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Lâm (thôn Phúc Bó; đoạn từ đường Kim Sơn đến công ông Đàm; đoạn từ đường Kim Sơn đến bãi rác Phúc Bó)	Đường	Xuống cấp	L=600m	2.000	900	1.100	UBND xã		
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Lâm (Đoạn 1, thôn Vô Ngai; đoạn từ gần bãi rác thôn Vô Ngai đến gần đê Kim Sơn; Đoạn 2, thôn Vô Ngai; đoạn từ đê Kim Sơn đến cánh đồng; Đoạn 3, thôn Vô Ngai; đoạn trên cánh đồng Bồng; Đoạn 4, đoạn từ ngã tư Phố Ngai đến Trạm bơm Phúc Bó; Đoạn 5, đoạn từ nhà ông Hùng thôn Vô Ngai đến cánh đồng Xuân Đức; Đoạn 6, đoạn từ ngã tư Phố Ngai đến Nho Lâm)	Đường	Xuống cấp	L=3.380m	12.000	5.500	6.500	UBND xã		
5 Xã Phùng Chí Kiên										
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Chí Kiên (đoạn từ Cầu Máng nhỏ đến Khu giãn dân thôn Đảo Du)	Đường	Xuống cấp	L=500m	1.250	600	650	UBND xã		
6 Xã Hưng Long										
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Long (Đoạn 1, thôn Tân Hưng; từ ruộng ông Trường đến ruộng Trần Thành Ngọ; Đoạn 2, thôn Thuận Xuyên; từ cánh đồng tới đến gần trại Kịch; Đoạn 3, thôn Tân Hưng, từ đường 387 đến nhà ông Hiền; Đoạn 4, thôn Vĩnh Quang; từ gần nhà ông Việt đến đê Kim Sơn; Đoạn 5, đoạn từ nhà ông Khoa đến đường bê tông; Đoạn 6, từ nhà trẻ Đông Thanh đến nhà bà Lán Điền)	Đường	Xuống cấp	L=3.680m	14.500	6.000	8.500	UBND xã		
IX HUYỆN VĂN LÂM										
I Xã Đình Di										
-	Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng, 10 phòng Trường mầm non xã Đình Di	Trường học	Xuống cấp và cấp điện	10 phòng, S=1.750m2	10.800	4.000	6.800	UBND xã		

Stt	Huyện, xã và Danh mục công trình/dự án	Loại công trình/dự án	Hiện trạng	Quy mô đầu tư (Dự kiến)	Vốn đầu tư			Cơ quan quyết định đầu tư (hoặc Chỉ đầu tư)	Ghi chú
					Trong đó:		(9)		
					Tổng mức đầu tư (Dự kiến)	NS Trung ương và nguồn vốn dự phòng Ngân sách tỉnh (NS tỉnh quản lý)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đình Dụ	Đường	Xưởng cấp	L=2.900m	14.500	4.000	10.500	UBND xã	
2	Xã Minh Hải Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Minh Hải	Trường học	Xưởng cấp và còn thiếu	12 phòng; S=1.450m ²	9.425	3.200	6.225	UBND xã	
3	Xã Chi Đạo Xây dựng công trình Nhà lớp học Trường Tiểu học xã Chi Đạo	Trường học	Xưởng cấp và còn thiếu	12 phòng; S=1.450m ²	9.425	3.200	6.225	UBND xã	
4	Xã Yên Hưng Xây dựng công trình Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường THCS xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm	Trường học	Xưởng cấp và còn thiếu	8 phòng; S=1.100m ²	8.700	4.200	4.500	UBND xã	
-	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Tân Quang, huyện Văn Lâm (đoạn từ UBND xã đến Chùa Tăng Bảo)	Đường	Xưởng cấp	L=1.230m	14.800	3.000	11.800	UBND xã	
X	HUYỆN VĂN GIANG				58.700	21.600	37.100		
1	Xã Long Hưng Xây dựng công trình Nhà lớp học 20 phòng Trường tiểu học xã Long Hưng	Trường học	Xưởng cấp và còn thiếu	20 phòng; S=2.150m ²	14.900	5.000	9.900	UBND xã	
2	Xã Xuân Quan Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng học Trường THCS xã Xuân Quan	Trường học	Xưởng cấp và còn thiếu	15 phòng; S=1.960m ²	12.000	5.500	6.500	UBND xã	
3	Xã Mỹ Sơn Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Mỹ Sơn (đoạn từ thôn Phú Thị đến đường DH.25)	Đường	Xưởng cấp	L=450m	5.100	2.000	3.100	UBND xã	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Mỹ Sơn (đoạn từ Hoàng Trạch đi T4)	Đường	Xưởng cấp	L=950m	3.500	1.600	1.900	UBND xã	
4	Xã Vĩnh Khúc Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Khúc (đường trục chính xã, đoạn từ qua thôn Giáp Phòng)	Đường	Xưởng cấp	L=1.000m	14.500	3.500	11.000	UBND xã	
5	Xã Cừ Cao Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 6 phòng Trường THCS xã Cừ Cao	Trường học	Xưởng cấp và còn thiếu	6 phòng; S=1.250m ²	8.700	4.000	4.700	UBND xã	

